

XỨ ĐÀNG TRONG TRONG CÁC MỐI QUAN HỆ VÀ TƯƠNG TÁC QUYỀN LỰC KHU VỰC

NGUYỄN VĂN KIM*

1. Nguyễn Hoàng và sự nghiệp khai mở đất Đàng Trong

Mặc dù còn có những ý kiến khác biệt nhưng hầu hết các nhà nghiên cứu đều cho rằng sau khi cuộc giao tranh Trịnh - Nguyễn kết thúc vào năm 1572 một thế cuộc phân cát Đàng Ngoài - Đàng Trong đã xác lập. Từ mốc thời gian đó đến tháng 6 -1786, khi quân Tây Sơn, dưới sự chỉ huy của thiên tài quân sự Nguyễn Huệ, tiến đánh Phú Xuân rồi thừa thắng vượt sông Gianh, đánh tan quân Trịnh, làm chủ Thăng Long tháng Tám năm đó... lịch sử Việt Nam đã trải qua hơn hai thế kỷ (214 năm) với nhiều thách thức và biến chuyển lớn.

Trở lại với lịch sử Việt Nam hơn 400 năm trước ta thấy, sau khi Nguyễn Hoàng (1524 - 1613) được Trịnh Kiểm (? - 1570) chấp thuận cử vào làm trấn thủ vùng Thuận Hoá, bằng những biện pháp thận trọng, ông đã tích cực chuẩn bị những bước đi lâu dài cho việc xây dựng, tồn tại và phát triển của một chính thể cát cứ (1). Nhưng, việc ra đi của Nguyễn Hoàng, như lịch sử đã cho thấy, cũng gắn liền với quá trình khai mở đất Đàng Trong (2). Mới ngoài tuổi ba mươi nhưng đã sớm thể hiện là một người có tầm

nhìn chiến lược, hiển nhiên Đuan quận công hiểu những thách thức đang và sẽ đặt ra đối với một chính thể được kiến lập trên vùng đất mới. Ở đó, vốn có một truyền thống lịch sử và văn hóa khác biệt (3). Đất Thuận Hoá, nơi ông được giao trị nhậm, từ lâu đã là nơi hợp tụ của rất nhiều lớp người, với nhiều thành phần xã hội hết sức phức tạp (4). Và chính ông, cũng như các chúa kế nghiệp, cũng rất hiểu “đất Đàng Trong vẫn là của những trung tâm văn hóa có quá khứ huy hoàng” (5). Hơn thế nữa, là con trai thứ của Thái sư Nguyễn Kim (1467 - 1545), có anh là Tả tướng Nguyễn Uông từng bị thế lực nhà Trịnh lập mưu sát hại, có chị là Ngọc Bảo đang làm dâu họ Trịnh... lại đã từng chứng kiến và tham gia những cuộc xung đột quân sự, chính trị quyết liệt nhằm giành lại quốc thống cho nhà Lê, Nguyễn Hoàng hiểu rõ truyền thống văn hóa - chính trị xứ Bắc, sức mạnh cùng những nhược điểm căn bản của thể chế quan liêu Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài.

Để yên lòng dân, thu phục nhân tâm đồng thời để thu hút cư dân các địa phương vùng Bắc Trung Bộ tiếp tục di cư vào Thuận Hóa sinh sống, Nguyễn Hoàng đã ra sức “võ về quân dân, thu dùng hào kiệt, sưu thuế nhẹ nhàng, được dân mến phục,

* PGS-TS. Trường Đại học KHXH và NV, ĐHQGHN.

bấy giờ thường xưng là chúa Tiên. Nghiệp để dựng nên thực là xây nền từ đấy” (6). Lượng thấy sức lực chưa đủ khả năng để có thể đoạn tuyệt và đương đầu với chính quyền Lê - Trịnh, Nguyễn Hoàng đã thực thi một chính sách khôn khéo, đúng với chức phận của một kẻ bề tôi. Ông hiểu rằng với danh nghĩa là *An Nam đô thống sứ ty đô thống sứ* (1598), rồi *An Nam quốc vương* (1647) thời Minh (1368-1644) và vua Lê vẫn được tái phong *An Nam quốc vương* năm 1667 dưới triều Thanh (1644-1911), về danh nghĩa vua Lê vẫn là người đại diện duy nhất cho chính thể (7). Sau chuyến đi Thanh Hoa yết kiến Lê Anh Tông (1557-1573) ở hành cung An Trường và gặp Thái sư Trịnh Kiểm năm 1569, năm sau, nhân việc Trần Quốc công Bùi Tá Hán, Tổng trấn Quảng Nam qua đời, Nguyễn Bá Quỳnh tạm thay, Nguyễn Hoàng đã được chúa Trịnh giao cho kiêm lãnh Trấn thủ xứ Quảng Nam thay cho Tổng binh Bá Quỳnh đổi ra Nghệ An làm Trấn thủ. Có thể coi đây là một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược bởi chính quyền Đàng Trong không chỉ có danh nghĩa chính thức để mở rộng hơn nữa ảnh hưởng về phía Nam mà còn tạo thêm được thế phòng thủ có chiều sâu cho một chủ trương chiến lược. Trên thực tế, với sự kiện đó thế lực họ Nguyễn đã làm chủ được một trung tâm kinh tế quan trọng nhất miền Trung với một không gian đồng bằng tương đối rộng lớn, một vùng đất có tài nguyên phong phú và một cảng biển giàu tiềm năng vốn từng nổi tiếng quốc tế thời kỳ Champa ở vùng cửa sông Thu Bồn.

Mặc dù đã phân nào khẳng định được thế đứng chân trên vùng đất mới nhưng Nguyễn Hoàng vẫn tiếp tục chủ trương thực hiện đường lối hòa hiếu với chính quyền Lê - Trịnh, nộp phú thuế đầy đủ “để giúp việc quân, việc nước triều đình cũng

được nhờ” (8). Hàng năm, ngoài thóc gạo, Đàng Trong thường giao nộp 400 cân bạc và 500 cây lụa. Năm 1593, Nguyễn Hoàng còn đem một đội binh lực mạnh ra Thăng Long để cùng các con trai giúp Trịnh Tùng trấn áp tàn quân của nhà Mạc, giúp vua Lê bang giao với nhà Minh đồng thời dâng nạp sổ sách về binh lương, của cải, vàng bạc, châu ngọc, kho tàng của hai trấn Thuận - Quảng để tỏ lòng thành. Đến năm Canh Tý (1600), nhận thấy lòng nghi kỵ ngày càng rõ của Trịnh Tùng (1570-1623), Nguyễn Hoàng đã tìm cách thoát khỏi sự kiểm chế của chúa Trịnh trở về đất bản bộ Thuận Hóa, đẩy nhanh sự nghiệp kiến dựng vùng đất mới. Sau khi Nguyễn Hoàng qua đời năm 1613, Nguyễn Phúc Nguyên (cq: 1613-1635) lên nối nghiệp cha. Theo tư tưởng và cách thức của cha, Phúc Nguyên tìm mọi cách từng bước ly khai với thế lực của chúa Trịnh, thoái thác việc cống nạp, không “đóng góp tài phú để cung quốc dụng” khiến chúa Trịnh ngày càng thấy rõ mối nguy của sự phân lập. Do vậy, năm 1620, Trịnh Tùng đã phái 5.000 quân đến cửa biển Nhật Lệ để uy hiếp và bảy năm sau cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn đã nổ ra, kéo dài suốt 45 năm, gây nên những tổn thất nghiêm trọng đối với cả hai bên tham chiến (9).

Về phần mình, sau sáu lần huy động một lực lượng binh lực lớn tấn công vào Nam bất thành, chúa Trịnh đã phải từ bỏ ý định “diệt Nguyễn”. Đối với Đàng Trong, tiềm lực quân sự của Đàng Ngoài cùng uy danh truyền thống của vua Lê cũng khiến Phú Xuân phải tự kiềm chế, không thể một lần nữa cử binh vượt sông Gianh tấn công ra Bắc. Không bị kiểm toả bởi thiết chế chính trị quan liêu và những định chế dường như đã trở thành nguyên tắc bất biến của tư tưởng Nho giáo, Đàng Trong

vừa tìm cách đối phó với Đàng Ngoài vừa xây dựng những nguyên tắc cho sự vận hành một thể chế chính trị mới. Nguyễn Hoàng đã lựa chọn rồi quyết định dựa vào Phật giáo, dựa vào tư tưởng quảng đại, khoan dung của Phật đạo và lấy đó làm nền tảng căn bản cho việc hoạch định các chính sách (10). Mặc dù, trong khi ban hành và thực thi nhiều chính sách cụ thể, ông vẫn tiếp tục tuân thủ các định chế Nho giáo mà Lê Thánh Tông đã đề ra (11).

Và, cũng chính trong khoảng thời gian, không gian văn hóa đó biết bao huyền thoại đã lan truyền trong dân gian về sự hiện diện của một đấng minh vương sáng thế. Điều hiển nhiên, các huyền thoại, huyền tích đó cũng đã tạo nên những sắc màu linh nhiệm tôn vinh vị thế của Nguyễn Hoàng. Dẫu vậy, những công tích to lớn của ông trên dải đất Đàng Trong là sự thực được lịch sử ghi nhận. Hai trăm năm sau, bằng nhãn quan của một trí thức Nho giáo, ở vào một vị thế chính trị đối lập, Lê Quý Đôn (1726-1784) cho rằng: “Đoan quận công có uy lực, xét kỹ, nghiêm minh, không ai dám lừa dối. Cai trị hơn mười năm, chính sự khoan hòa, việc gì cũng thường làm ơn cho dân, dùng phép công bằng, rắn giữ bản bộ, cấm đoán kẻ hung dữ. Quân dân hai xứ thân yêu tín phục; cảm nhân mến đức, dời đổi phong tục, chợ không bán hai giá, người không ai trộm cướp, của ngoài không phải đóng, thuyền buôn ngoại quốc đều đến mua bán, đổi chác phải giá, quân lệnh nghiêm trang, ai cũng cố gắng, trong cõi đều an cư lạc nghiệp” (12). Nhờ có những chính sách hợp thời và hợp lòng người đó đến “Cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII, nền kinh tế Thuận Quảng có những bước phát triển mạnh mẽ. Chính sự phát triển kinh tế đó, trực tiếp là sự phát triển kinh tế hàng hóa cùng với chính sách khai

mở của chính quyền chúa Nguyễn là cơ sở và tác nhân bên trong rất quan trọng, dẫn đến sự xuất hiện của một loạt đô thị và thương cảng, trong đó có Hội An, với vị trí và điều kiện thuận lợi của nó, sớm trở thành trung tâm kinh tế mậu dịch đối ngoại thịnh đạt nhất” (13).

Ở vùng Thuận - Quảng, Nguyễn Hoàng đã cho lập 12 dinh, đứng đầu là các võ quan gọi là *Trưởng dinh* hay *Trấn thủ*. Nhận thấy những áp lực chính trị mạnh mẽ từ phương Bắc đồng thời để tạo nên những kháng lực cần thiết trong quan hệ quốc tế, chính quyền Đàng Trong đã khẩn trương xây dựng một lực lượng quân sự tinh nhuệ. Dựa vào cơ chế tuân lệnh của thiết chế quân sự, chúa Nguyễn không chỉ sử dụng quân đội trong các cuộc chiến đấu, bảo vệ an ninh mà còn huy động binh sĩ tham gia vào rất nhiều các hoạt động trọng yếu khác. Để tạo nên ưu thế trội vượt về binh lực, sẵn sàng bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chúa Nguyễn còn rất chú trọng xây dựng lực lượng hải quân và phát triển trọng pháo. Do vậy, vào năm 1642, Đàng Trong mới có khoảng 200 khẩu đại bác thì chỉ tám năm sau, con số đó đã tăng lên 1.200 khẩu. Số trọng pháo này chủ yếu do các thế lực phương Tây như Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha cung cấp. Có thể khẳng định rằng, chính tiềm lực kinh tế thương mại và những chính sách khai mở đã cho phép chúa Nguyễn xây dựng các lực lượng vũ trang mạnh chỉ trong một thời gian tương đối ngắn. Trên một vùng đất mới, dựa vào tư tưởng Phật giáo nhưng không ngừng được gia cố bằng thiết chế quân sự, các chính sách của họ Nguyễn đã đem lại kết quả rõ rệt. Như vậy, cùng với việc thực thi một chính sách khai mở, thu phục nhân tâm, khơi dậy và khuyến khích mọi nhân tố phát triển mới thì việc xây dựng được một

lực lượng quân sự mạnh và có tầm nhìn hướng biển mạnh mẽ đã tạo nên nền tảng căn bản giúp chúa Nguyễn có thể giữ vững và củng cố được vị thế vững chắc ở Đàng Trong.

2. Đa phương hóa quan hệ và vai trò của kinh tế thương mại

Mặc dù đã làm chủ được vùng Thuận - Quảng sau năm 1570, Nguyễn Hoàng và những người thân tín của ông vẫn tìm mọi cách để chiêu dụ người hiền tài, khuyến khích dân di cư, tích cực khai phá những vùng đất mới... Trong một thế cuộc chính trị hết sức phức tạp, Nguyễn Hoàng đã đi đến một sự lựa chọn táo bạo mà chính ông cũng chưa có nhiều kinh nghiệm là *đặt cược thể chế của mình vào sự hưng vong của kinh tế ngoại thương*. Nhận thấy những hạn chế của môi trường tự nhiên đối với cư dân nông nghiệp vùng khô, Đàng Trong đã xác lập một chiến lược phát triển mới với những bước đi và nhận thức khác biệt nhằm hòa nhập mạnh mẽ hơn với những biến chuyển chung của khu vực. Cách thức lựa chọn con đường phát triển đó đã đưa Đàng Trong *tái hợp với mô hình phát triển chung của hầu hết các quốc gia Đông Nam Á và ngả mạnh về hướng biển*. Trong diễn tiến lịch sử đó, vai trò của những vị chúa thời khai sáng như Nguyễn Hoàng, Nguyễn Phúc Nguyên... có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Với chủ trương trọng thương, vào cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII, dường như Đàng Trong đã trở thành một *Thế chế biển*, triệt để phát huy truyền thống khai thác biển, phát triển giao thương và giao lưu văn hóa trên biển (14). Nhận thấy kinh tế ngoại thương chỉ có thể tồn tại, phát triển trong hệ thống và chịu sự tác động của các mối quan hệ tương hỗ bởi sự tích hợp của

nhiều thành tố, các chúa Nguyễn đã thiết lập quan hệ với đồng thời nhiều quốc gia. Qua đó, Đàng Trong không chỉ bảo vệ, nâng cao được vị thế chính trị của mình như một đối tác trọng yếu trong các mối quan hệ, tương tác quyền lực khu vực mà thông qua các mối quan hệ đó, chủ yếu là các hoạt động của kinh tế hải thương, đã tạo nên thế đứng vững chắc cho kinh thành Phú Xuân. Do vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, Đàng Trong không chỉ đã duy trì được nền độc lập của mình, đủ sức đương đầu với các cuộc tấn công quyết liệt của quân Trịnh mà còn phát triển được thể chế chính trị ngày càng hoàn chỉnh với *Tầm nhìn hướng biển* song song với xu thế hướng Nam ngày càng mạnh mẽ.

Từ nhiều nguồn sử liệu chúng ta có thể khẳng định rằng việc chúa Nguyễn chủ trương tiến mạnh về phương Nam, đặc biệt là sau năm 1672 khi cuộc xung đột Trịnh - Nguyễn chấm dứt, là muốn mở rộng hơn nữa phạm vi quản chế, tìm kiếm không gian để tạo thêm một thế đứng chân nữa từ nền tảng kinh tế nông nghiệp. Điều chắc chắn là, thông qua việc xác lập phạm vi ảnh hưởng đó, chúa Nguyễn cũng muốn thiết lập thêm những thương cảng mới, tạo nên một mạng lưới thương cảng, thúc đẩy mối quan hệ tương hỗ và triệt để khai thác năng lực của Hội An với vị trí là cảng thị trung tâm. Sự khai mở, trong đó có cả phần phục hưng của hệ thống cảng Nam Trung Bộ thế kỷ XVI - XVII như Thanh Hà, Hội An, Nước Mặn (15) và sau đó là các cảng vùng sông Đồng Nai, Sài Gòn, Hà Tiên... cho thấy Đàng Trong luôn cố gắng duy trì vị thế và phát huy những tiềm năng vốn có của một *Vương quốc biển*.

Chủ trương mở rộng và đẩy mạnh quan hệ hải thương đó cũng cho thấy *tầm nhìn*

chiến lược của các chúa Nguyễn trong việc nắm bắt xu thế phát triển của thời đại. Trong khi đi đến quyết định trụ lại lâu dài ở Đàng Trong, Nguyễn Hoàng cũng đã nhận thấy sức mạnh tiềm tàng của dải đất miền Trung trong những ngành kinh tế phi nông nghiệp. Người hiểu thế mạnh của một vùng đất và đất cũng lựa chọn, tôn vinh người hiền tài. Điều đáng chú ý là, quá trình xây dựng chính thể của các chúa Nguyễn cũng tương hợp với *Thời kỳ hoàng kim* trong quan hệ hải thương châu Á mà Anthony Reid, chuyên gia nổi tiếng về lịch sử thương mại Đông Nam Á, cho rằng kéo dài từ năm 1450 đến 1680 (16). Cho đến lúc qua đời, để lại lời trăng trối mà Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585) đã truyền dạy cho về một dải “*Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân*”, Nguyễn Hoàng đã thành công trong việc xây dựng những nguyên tắc căn bản của một chính thể.

Vào thời cầm quyền của ông, Đàng Trong đã có quan hệ với đồng thời nhiều quốc gia trong đó có những cường quốc lớn nhất về thương mại biển. *Trong lịch sử Việt Nam, chưa bao giờ nền kinh tế hải thương lại có quan hệ rộng mở, đa dạng và phát triển hưng thịnh như giai đoạn thế kỷ XVI-XVII. Hầu hết các cường quốc kinh tế lúc bấy giờ, cả ở châu Á và châu Âu, đều đến và thiết lập quan hệ trao đổi, buôn bán với Đàng Trong* (17). Do có lợi thế về vị trí địa lý và thực sự theo đuổi một chủ trương kinh tế khai mở, lại phát triển trong bối cảnh nền chính trị khu vực có những thuận lợi nhất định, từ cảng Chiêm đã bị suy tàn Hội An đã mau chóng phục hưng và trở thành một trung tâm thương mại lớn ở khu vực Đông Nam Á. Cảng thị này đã đóng vai trò của một *Trung tâm liên vùng* (18) để cùng với Goa (Ấn Độ), Ayutthaya (Siam), Malacca (Malaysia), Batavia (Indonesia),

Luzon, Manila (Philippines)... nối kết với Formosa (Đài Loan), Macao (Trung Quốc), Deshima (Nhật Bản) để tạo nên một hệ thống thương mại có độ liên kết chặt và tương đối hoàn chỉnh của châu Á.

Cũng cần phải nói thêm là từ khoảng thế kỷ XV, không chỉ ở châu Âu mà cả ở châu Á điều kiện đi biển của nhiều quốc gia cũng được cải thiện đáng kể. Việc chế ra được những con thuyền đi biển lớn, có thể điều chỉnh hướng gió bằng hệ thống nhiều cột buồm như tàu *Caraven* cũng như tri thức về thiên văn học, khả năng nắm bắt sự biến đổi của các luồng hải lưu và việc sử dụng la bàn cải tiến... đã cho phép nhiều quốc gia hàng hải thực hiện những hải trình dài và vượt xa ra đại dương. Lịch sử cho thấy, trong vòng 28 năm (1405-1433), theo lệnh của Minh Thành Tổ, Trịnh Hoà (1371-1433) đã chỉ huy đoàn thuyền viễn dương Trung Hoa đến nhiều vùng biển trên thế giới. Trong bảy chuyến đi thì cả bảy chuyến, Trịnh Hoà đều cho hạm đội từ Nam Kinh đến Phúc Kiến rồi từ đó đến thẳng Chiêm Thành (*Chan-ch'eng*), có thể đoán định đó là cảng Nước Mặn, rồi từ đó ông tiếp tục điều phối các đoàn thuyền thực hiện các hải trình đến nhiều quốc gia khác ở Đông Nam và Tây Nam Á (19). Như vậy, đến đầu thế kỷ XV, nhiều đoàn thuyền lớn của các quốc gia Đông Bắc Á không còn phải tuân thủ theo các con đường biển truyền thống tức là đi men theo tuyến biển ven bờ vùng nam Trung Hoa và vịnh Bắc Bộ nữa. Do vậy, trong hệ thống thương mại Đông Nam Á, các cảng Đàng Trong càng trở nên có vị trí quan trọng (20).

Theo các nguồn tư liệu phương Tây thì từ năm 1515, thuyền buôn Bồ Đào Nha đã đến Faifo (Hội An) và từ những năm 1540 thì cập bến thường xuyên thương cảng này (21). Đến những năm đầu thế kỷ XVII hầu

hết các cường quốc thương mại phương Tây như Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Anh... đều đến buôn bán với Đàng Trong. Đối với các thương nhân châu Á, giới thương nhân Trung Hoa và Nhật Bản luôn gặp được nhiều điều kiện thuận lợi trong các hoạt động thương mại với Đàng Trong và đã góp phần quan trọng vào sự phát triển hưng thịnh của Hội An và hệ thống thương mại khu vực. Nhưng đến những năm 1635-1639, sau một thời kỳ hoạt động nhộn nhịp, do tác động của chính sách toả quốc (*sakoku*, 1639-1853) thuyền buôn Châu ấn (*Shuin sen*) Nhật Bản, đối thủ cạnh tranh lớn của Trung Hoa, đã từng bước rút về nước. Lập tức, các thương nhân Hoa kiều đã chiếm lĩnh thị trường khu vực. Từ sau năm 1672, do không còn chịu sức ép mạnh mẽ từ phía Bắc, chúa Nguyễn đã ngày càng kiểm soát chặt chẽ hơn các hoạt động của thương nhân phương Tây. Do có những hiểu biết sâu sắc về tình hình chính trị cũng như môi trường kinh tế Đàng Trong và từ lâu đã có quan hệ mật thiết với nhiều lớp người, thiết lập được mạng lưới kinh tế đa chiều nên thương nhân Hoa kiều đã trở thành những mũi biện lớn. Nhận thấy cơ hội thuận lợi đó, giới doanh thương vùng Quảng Đông, Phúc Kiến, Hải Nam... đã thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ kinh tế với khu vực. Ở Quảng Đông, một tổ chức thương mại lớn là "*Thập tam hăng*" đã được thành lập với mục tiêu "cung cấp cho tàu châu Âu các sản phẩm của Việt Nam và đồng thời cung cấp cho Việt Nam hàng Trung Hoa và sản phẩm của châu Âu mà Việt Nam cần" (22).

Mặt khác, từ năm 1715 để hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế ngoại thương, khuyến khích sản xuất trong nước, chính quyền Edo đã đặt ra quy định số thuyền Trung Hoa hàng năm đến Nhật là

30 chiếc với tổng giá trị hàng hoá trị là 6.000 *kan* (600.000 lạng bạc). Chính sách đó đã khiến cho một số tập đoàn Hoa thương phải chuyển hướng hoạt động xuống Đông Nam Á. Nhưng, thuyền của Hoa kiều đến Đàng Trong không chỉ từ Trung Quốc mà còn từ nhiều thương cảng khu vực Đông Nam Á như Xiêm La, Cao Miên, Manila, Patani v.v... Theo quan sát của Thomas Bowyear vào năm 1695 thì trong khoảng thời gian đó, hàng năm có từ 10 đến 12 thuyền buôn của Hoa kiều đến Hội An buôn bán (23). Nhưng kể từ khi chính quyền Edo chủ trương hạn chế thuyền Trung Hoa đến Nhật, trong khoảng 10 năm (1740-1750), số thuyền của Hoa thương đến Đàng Trong đã tăng lên mỗi năm chừng 80 chiếc. Trong tác phẩm *Công ty Đông Ấn ở Quảng Nam*, thương nhân người Hà Lan W.J.M.Buch cũng cho rằng: "Lý do khiến có nhiều thương gia như vậy hàng năm từ Trung Hoa đến Quảng Nam là vì có thể tìm thấy ở đây một trung tâm buôn bán với các nước và vùng lân cận. Hồ tiêu được chở tới đây từ Palembang, Pahang và các vùng khác; long não từ Borneo, gỗ vang, ngà voi, ... đồ sứ thô và các hàng hóa khác. Với những gì còn lại, họ có thể mua thêm hồ tiêu, ngà voi, bột gia vị bạch đậu khấu của Quảng Nam v.v... Do đó, thuyền của họ trở về Trung Hoa thường là đầy hàng" (24). Trong quan hệ buôn bán, giới Hoa thương còn giành được ưu thế do việc những chủng loại hàng hóa mà họ đem đến Đàng Trong và thị trường khu vực đều luôn phù hợp với nhu cầu tiêu dùng và mức sống của cư dân bản địa trong khi đó các sản phẩm châu Âu mà tàu buôn phương Tây đưa đến rất khó có thể tiêu thụ vì giá cao. Do vậy, nguồn lợi mà các tập đoàn thương mại phương Tây thu được chính là việc nhập và tái xuất một số sản phẩm của thị trường Đông Nam Á đến khu vực Đông Bắc Á hoặc

đem về châu Âu tiêu thụ. Theo Antonio Bocarro, Trưởng đại diện vùng Đông Ấn của Bồ Đào Nha, thì ở Hội An “tơ vàng rất tốt và rẻ, một số trầm hương, kỳ nam, mặc dù rất hiếm và một số benzoin... tất cả đều là sản phẩm của địa phương và một lượng lớn đồng người Nhật đem tới đây” (25).

Nhận thấy những lợi thế và vai trò của Hoa thương, khác với chính quyền Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài, luôn có thái độ nghi kỵ đối với thương nhân châu Âu và giới ngoại kiều, chính quyền Đàng Trong nhìn chung đã thực hiện một chính sách cởi mở, trọng thị với các thương nhân ngoại quốc đặc biệt là Trung Hoa, Nhật Bản trong việc trao đổi hàng hóa và xây dựng tiềm lực kinh tế cho chính thể. Cùng với việc nhập tơ lụa, gốm sứ, tiền đồng từ Trung Quốc, Đàng Trong còn nhập đồng và tiền đồng từ Nhật Bản để đúc súng và tiêu dụng. Trong *Hải Ngoại ký sự*, Thích Đại Sán đã dẫn lời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) khi được chúa cho biết tình hình ngoại thương năm 1695: “các năm trước thuyền ngoại dương đến buôn bán, mỗi năm chừng sáu, bảy chiếc, năm nay số thuyền lên đến mười sáu, mười bảy chiếc, trong nước nhờ đó mà tiêu dùng được dư dật” (26).

Điều chắc chắn là, vào thế kỷ XVI-XVII, nhờ có những quan hệ hải thương mà “Chúa thu được lợi nhuận lớn trong việc buôn bán này bằng thuế hàng hóa và thuế hải khẩu ngài đặt ra và cả nước đều kiếm được rất nhiều mối lợi không thể tả hết” (27). Và cũng nhờ những nguồn lợi lớn từ thương mại mà nhiều bộ phận xã hội đã trở nên có cuộc sống sung túc. Họ cũng quen sử dụng những vật phẩm cao cấp, ngoại nhập. Theo Lê Quý Đôn thì: “Quan viên lớn nhỏ không ai là không nhà cửa chạm gọt, tường vách gạch đá, the màn trướng đoạn, đồ đạc

đồng thau, bàn ghế gỗ đàn, gỗ trắc, chén mâm đồ sứ, đồ hoa, yên cương vàng bạc, y phục gấm vóc, chiếu đệm mây hoa, phú quý phong lưu, đua nhau khoe đẹp. Những sắc mực ở dân gian cũng mặc áo đoạn hoa bát ty và áo sa, lương, địa làm đồ mặc ra vào thường, lấy áo vải áo mộc làm hổ thẹn. Binh sĩ đều ngồi chiếu mây, dựa quả tựa hoa, ôm lò hương cổ, hãm chè hảo hạng, uống chén sứ bịt bạc và nhỏ ống nhỏ thau, đĩa bát ăn uống thì không cái gì là không phải hàng Bắc, một bữa cơm ba bát lớn. Đàn bà con gái thì đều mặc áo the và hàng hoa, thêu hoa ở cổ tròn. Coi vàng bạc như cát, thóc gạo như bùn, xa xỉ rất mực” (28). Qua đó chúng ta thấy vai trò của kinh tế thương nghiệp và tiềm lực kinh tế của Đàng Trong, ít nhất đến đầu thế kỷ XVIII, vẫn chủ yếu là dựa vào hải thương.

3. Khẳng định chủ quyền và mối quan hệ với các quốc gia khu vực

Các nguồn tư liệu cho thấy sau khi vào khai phá đất Đàng Trong, trong văn thư ngoại giao các chúa Nguyễn đều mượn danh nghĩa của vua Lê là “*An Nam quốc vương*” để tạo thế chính danh trong giao tiếp quốc tế (29). Tuy nhiên, theo *Đại Nam thực lục tiền biên* thì năm 1709, Nguyễn Phúc Chu (cq: 1691-1725) đã cho đúc một ấn riêng khắc “*Đại Việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo*” (30). Đến năm Vĩnh Thịnh thứ mười (1714), Minh Vương Phúc Chu đã cho sửa sang và mở rộng thêm chùa Thiên Mụ rồi “tự làm bài minh khắc chuông, tự xưng là *Đại Việt quốc vương*” (31). Không được triều đình phong kiến Trung Hoa công nhận chính thức nhưng cũng không bị phủ nhận trong quan hệ bang giao quốc tế, các chúa Nguyễn đã tự khẳng định quyền lực thực tế của mình ở Đàng Trong như một thực thể kinh tế - xã

hội và chính trị độc lập. Điều quan trọng là, quyền lực thực tế đó đã được các quốc gia có quan hệ với Đàng Trong xác nhận và tôn trọng.

Như đã trình bày ở trên, tháng 10-1558, khi Thái sư Trịnh Kiểm dâng biểu lên vua Lê xin cho Nguyễn Hoàng vào làm trấn thủ Thuận Hóa. Một trong những nhiệm vụ trọng yếu của Nguyễn Hoàng là phải “*đề phòng giặc phía Đông*”. Một số nhà nghiên cứu cho rằng, “*giặc phía Đông*” chính là tàn quân nhà Mạc. Nhưng đặt trong bối cảnh chính trị quốc tế lúc bấy giờ thì cũng rất có thể đó chính là “*một biểu hiện khu vực của những cuộc tấn công dưới sự chỉ huy của người Nhật vào thời gian đó đã đạt tới đỉnh điểm dọc theo bờ biển Trung Quốc*” (32). Sau khoảng hai thế kỷ chủ yếu tiến hành cướp bóc ở vùng biển Đông Bắc Á, đến cuối thế kỷ XVI, nhiều toán *Wako* đã mở rộng hoạt động xuống vùng biển Đông Nam Á. Nhà nghiên cứu Nhật Bản Iwao Seiichi cho rằng vào năm 1578, *Wako* (hải tặc Nhật Bản) đã đến vùng biển thuộc hải phận Đàng Trong và cướp thuyền của một thương nhân Trung Hoa là Trần Bảo Tùng đang vận chuyển đồng, sắt và đồ gốm đến Quảng Nam (33). *Đại Nam thực lục tiền biên* cũng ghi lại sự kiện năm 1585, Bạch Tân Hiển Quý (*Shirahama Kenchi*) đã chỉ huy một đoàn thuyền lớn gồm 5 chiếc đến cướp ở Cửa Việt bị lực lượng hải quân của chúa Nguyễn gồm 10 chiến thuyền do Nguyễn Phúc Nguyên (1563-1634) chỉ huy tấn công, đánh tan 2 chiếc. Trước sự tấn công quyết liệt của lực lượng hải quân Đàng Trong “*Hiển Quý sợ chạy... Từ đó giặc biển im hơi*” (34). Chiến công đó của Phúc Nguyên đã được chúa khen là “*anh kiệt*” và ban thưởng rất hậu. Chính nhờ có tài năng vượt trội, giàu chí khí và đức độ mà chúa Nguyễn Hoàng đã chọn

ông, hoàng tử thứ sáu, làm người kế nghiệp, đứng đầu thế chế Đàng Trong.

Có thể thấy, *thái độ kiên quyết đó của chúa Nguyễn không chỉ đã bảo vệ được toàn vẹn chủ quyền của Đàng Trong, góp phần cùng với các quốc gia trong khu vực giải trừ nạn hải tặc, đem lại môi trường ổn định cho giao thương quốc tế mà còn khiến chính quyền Nhật Bản phải có ý thức đầy đủ hơn trong các mối bang giao khu vực* (35). Sau khi chính quyền Edo được thiết lập năm 1600, tướng quân Nhật Bản Tokugawa Ieyasu (1542-1616) đã thực hiện và kiểm soát chặt chẽ chế độ *Châu ấn thuyền*. Nhận thấy tầm quan trọng của các cảng Đàng Trong đối với sự phát triển của kinh tế Nhật Bản và cũng để giải quyết những tồn tại trong quan hệ hai nước, năm 1601 trong bức thư gửi cho Nguyễn Hoàng, Tokugawa Ieyasu khẳng định: “*Thương gia Nhật Bản khi vượt biển đi buôn bán xa xôi, không được vi phạm chính trị ở những quốc gia đi đến. Vì tôi suy nghĩ như thế nên xin ngài yên tâm... Thương thuyền nào không mang thư Châu ấn thì không cho thông thương*” (36). Trước những thay đổi đó của chính quyền Nhật Bản, trong thư trả lời, Nguyễn Hoàng cũng đã thể hiện thái độ mềm mỏng cần thiết: “*do không biết Hiển Quý là thương gia tốt*” nên cuộc xung đột đáng tiếc đã xảy ra đồng thời mong phía Nhật Bản bỏ qua sự việc trên để cử thuyền đến Đàng Trong buôn bán (37). Từ đó, đến khi chính quyền Edo thực thi chính sách toả quốc (*sakoku*, 1639-1853), chúa Nguyễn đã thiết lập được mối quan hệ chính thức với Nhật Bản. Các thuyền *Châu ấn* là những bạn hàng trọng yếu của Đàng Trong.

Trong quan hệ buôn bán, các chúa Nguyễn đã có nhiều ưu ái và trọng dụng tài năng của giới doanh nhân Nhật Bản. Nhằm

hội và chính trị độc lập. Điều quan trọng là, quyền lực thực tế đó đã được các quốc gia có quan hệ với Đàng Trong xác nhận và tôn trọng.

Như đã trình bày ở trên, tháng 10-1558, khi Thái sư Trịnh Kiểm dâng biểu lên vua Lê xin cho Nguyễn Hoàng vào làm trấn thủ Thuận Hóa. Một trong những nhiệm vụ trọng yếu của Nguyễn Hoàng là phải “*đề phòng giặc phía Đông*”. Một số nhà nghiên cứu cho rằng, “*giặc phía Đông*” chính là tàn quân nhà Mạc. Nhưng đặt trong bối cảnh chính trị quốc tế lúc bấy giờ thì cũng rất có thể đó chính là “*một biểu hiện khu vực của những cuộc tấn công dưới sự chỉ huy của người Nhật vào thời gian đó đã đạt tới đỉnh điểm dọc theo bờ biển Trung Quốc*” (32). Sau khoảng hai thế kỷ chủ yếu tiến hành cướp bóc ở vùng biển Đông Bắc Á, đến cuối thế kỷ XVI, nhiều toán *Wako* đã mở rộng hoạt động xuống vùng biển Đông Nam Á. Nhà nghiên cứu Nhật Bản Iwao Seiichi cho rằng vào năm 1578, *Wako* (hải tặc Nhật Bản) đã đến vùng biển thuộc hải phận Đàng Trong và cướp thuyền của một thương nhân Trung Hoa là Trần Bảo Tùng đang vận chuyển đồng, sắt và đồ gốm đến Quảng Nam (33). *Đại Nam thực lục tiền biên* cũng ghi lại sự kiện năm 1585, Bạch Tân Hiển Quý (*Shirahama Kenchi*) đã chỉ huy một đoàn thuyền lớn gồm 5 chiếc đến cướp ở Cửa Việt bị lực lượng hải quân của chúa Nguyễn gồm 10 chiến thuyền do Nguyễn Phúc Nguyên (1563-1634) chỉ huy tấn công, đánh tan 2 chiếc. Trước sự tấn công quyết liệt của lực lượng hải quân Đàng Trong “*Hiển Quý sợ chạy... Từ đó giặc biển im hơi*” (34). Chiến công đó của Phúc Nguyên đã được chúa khen là “*anh kiệt*” và ban thưởng rất hậu. Chính nhờ có tài năng vượt trội, giàu chí khí và đức độ mà chúa Nguyễn Hoàng đã chọn

ông, hoàng tử thứ sáu, làm người kế nghiệp, đứng đầu thể chế Đàng Trong.

Có thể thấy, *thái độ kiên quyết đó của chúa Nguyễn không chỉ đã bảo vệ được toàn vẹn chủ quyền của Đàng Trong, góp phần cùng với các quốc gia trong khu vực giải trừ nạn hải tặc, đem lại môi trường ổn định cho giao thương quốc tế mà còn khiến chính quyền Nhật Bản phải có ý thức đầy đủ hơn trong các mối bang giao khu vực* (35). Sau khi chính quyền Edo được thiết lập năm 1600, tướng quân Nhật Bản Tokugawa Ieyasu (1542-1616) đã thực hiện và kiểm soát chặt chẽ chế độ *Châu ấn thuyền*. Nhận thấy tầm quan trọng của các cảng Đàng Trong đối với sự phát triển của kinh tế Nhật Bản và cũng để giải quyết những tồn tại trong quan hệ hai nước, năm 1601 trong bức thư gửi cho Nguyễn Hoàng, Tokugawa Ieyasu khẳng định: “*Thương gia Nhật Bản khi vượt biển đi buôn bán xa xôi, không được vi phạm chính trị ở những quốc gia đi đến. Vì tôi suy nghĩ như thế nên xin ngài yên tâm... Thương thuyền nào không mang thư Châu ấn thì không cho thông thương*” (36). Trước những thay đổi đó của chính quyền Nhật Bản, trong thư trả lời, Nguyễn Hoàng cũng đã thể hiện thái độ mềm mỏng cần thiết: “*do không biết Hiển Quý là thương gia tốt*” nên cuộc xung đột đáng tiếc đã xảy ra đồng thời mong phía Nhật Bản bỏ qua sự việc trên để cử thuyền đến Đàng Trong buôn bán (37). Từ đó, đến khi chính quyền Edo thực thi chính sách toả quốc (*sakoku*, 1639-1853), chúa Nguyễn đã thiết lập được mối quan hệ chính thức với Nhật Bản. Các thuyền *Châu ấn* là những bạn hàng trọng yếu của Đàng Trong.

Trong quan hệ buôn bán, các chúa Nguyễn đã có nhiều ưu ái và trọng dụng tài năng của giới doanh nhân Nhật Bản. Nhằm

thất chặt mối quan hệ với Nhật Bản, năm 1619 Nguyễn Phúc Nguyên còn gả con gái cho thương nhân Nhật Bản Araki Sotaro, cho phép người Nhật (và cả giới Hoa Thương) lập Hội quán, phố Nhật kiều để sinh sống và buôn bán lâu dài. Thậm chí, chúa Nguyễn còn tin cậy giao cho họ quyền tự quản, tự bầu nên trưởng khu để điều hành một số hoạt động nhất định trong cộng đồng Nhật kiều theo nguyên tắc “ngoại trị pháp quyền” trên cơ sở tôn trọng truyền thống văn hóa, phong tục và luật pháp của Nhật Bản. Theo đó, từ năm 1633 đến 1672 đã có 6 người Nhật thay nhau giữ trọng trách đó (38). Những người này có thế lực tương đối lớn trong đời sống kinh tế - xã hội ở Hội An. Như vậy, việc xử lý thoả đáng mối quan hệ với Nhật Bản của Nguyễn Hoàng đã để lại cho Đàng Trong những kinh nghiệm quý trong quan hệ quốc tế. Điều đó cũng đã tạo nên một tiền lệ và cách thức ứng xử phù hợp với các thương nhân và thế lực quốc tế khác khi đến buôn bán, đỗ thuyền và truyền bá tôn giáo ở Đàng Trong.

Một số nhà nghiên cứu cho rằng, việc các chúa Nguyễn chú trọng xây dựng lực lượng binh lực mạnh là do sức ép chính trị của Đàng Ngoài. Nhưng, mối quan tâm đó của Đàng Trong còn là nhằm để tạo nên sức mạnh thực tế trong các mối bang giao quốc tế. Cùng với việc tập trung phát triển hải quân, chính quyền Đàng Trong rất muốn có được nhiều đại bác phương Tây để trang bị cho các thuyền chiến và canh giữ cửa biển. Theo C.R.Boxer thì các nhà cầm quyền họ Nguyễn “rất lo lắng làm sao để có được súng từ xưởng đúc súng nổi tiếng của Bocarro ở Maccao. Xưởng này hoạt động vào các năm từ 1627 đến 1680 và sản xuất ra các sản phẩm được đánh giá là loại súng đồng tốt nhất ở phương Đông” (39). Như vậy, nhiều khả năng sản phẩm nổi tiếng

của xưởng đúc này đã được các lãnh chúa Nhật Bản, chính quyền Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài đặc biệt là chúa Nguyễn ở Đàng Trong tiêu thụ với một số lượng lớn.

Với các tập đoàn thương mại và thế lực phương Tây, các chúa Nguyễn cũng luôn giành được quyền chủ động trong việc xử lý các vấn đề phức tạp trong quan hệ quốc tế. Hiểu rõ sức mạnh kinh tế của các Công ty Đông Ấn, những mưu toan của họ với Đàng Trong cũng như những bất đồng giữa các quốc gia, tập đoàn thương mại châu Âu, chúa Nguyễn đã cố gắng điều phối các mối quan hệ đó vừa nhằm khai thác tiềm năng kinh tế vừa hạn chế những tác động xấu về chính trị, tránh biến Đàng Trong thành nơi giành giật lợi ích của các cường quốc phương Tây. Do vậy, tuy biết Công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC) đã có quan hệ tương đối mật thiết với Đàng Ngoài nhưng chúa Nguyễn vẫn cho tàu Hà Lan được tiếp tục đến Hội An buôn bán. Bên cạnh đó, mặc dù tỏ ra có những ưu ái nhất định với Bồ Đào Nha để tranh thủ nguồn lực vũ khí và hàng hóa có giá trị cao từ thị trường Trung Quốc, chúa Nguyễn cũng tìm nhiều cách không để Bồ Đào Nha có thể giữ vai trò độc quyền thương mại với Đàng Trong. Theo Cristophoro Borri thì chúa Nguyễn chuẩn bị rất chu đáo cho các bến nghỉ và nơi đậu tàu, dọc bờ biển cũng như vùng cửa sông Thu Bồn. Chính quyền Thuận Hóa luôn tự tin và tỏ ra rất cởi mở với các đoàn thương thuyền ngoại quốc kể cả các tàu buôn phương Tây. Trong tác phẩm *Xứ Đàng Trong năm 1621*, ông viết: “Chúa Đàng Trong không đóng cửa trước một quốc gia nào, ngài để cho tự do và mở cửa cho tất cả người ngoại quốc, người Hà Lan cũng tới như những người khác, cùng với tàu chở rất nhiều hàng hoá của họ”. Và, “Phương châm của người Đàng Trong là không bao giờ tỏ

ra sợ hãi một nước nào trên thế giới. Thật là hoàn toàn trái ngược với vua Trung Hoa, ông này sợ tất cả, đóng cửa không cho người ngoại quốc vào và không cho phép buôn bán trong nước" (40).

Do vậy, mặc dù có những bất bình với hoạt động truyền giáo của các giáo sĩ Thừa sai nhưng vì lợi ích thương mại cũng như nhu cầu hiểu biết, phát triển kỹ thuật, chúa Nguyễn vẫn tạo những điều kiện thuận lợi nhất định cho các thương nhân, trí thức, giáo sĩ từ nhiều nước phương Tây tiếp tục đến Đàng Trong và trong không ít trường hợp đã trọng dụng tài năng của họ (41). Với tầm nhìn của một chính thể mạnh, luôn giữ được sự chủ động và quyền tự chủ, tư duy của giới cầm quyền Đàng Trong luôn thoáng mở để nắm bắt thông tin và có khả năng phân tích thông tin chính xác. Tuy nhiên, để bảo đảm an toàn cho đặc khu kinh tế Hội An, chúa Nguyễn đã cho bố trí một lực lượng hải quân mạnh ngay ở phía hữu ngạn cửa sông Thu Bồn (42). Bên cạnh đó, vị trí đặc thù của dinh trấn Thanh Chiêm cũng là nhân tố có ý nghĩa cho sự phát triển của thương cảng này. Không chỉ nhằm bảo đảm các hoạt động kinh tế cho thương cảng quan trọng nhất Đàng Trong, Thanh Chiêm còn có nhiệm vụ kiểm soát vùng thượng lưu Thu Bồn, tuyến giao lộ Nam - Bắc, bảo đảm an ninh cho Hội An và toàn thể khu vực.

Song song với các biện pháp trên, với tư cách là một chính thể cát cứ có quyền độc lập trong các mối quan hệ bang giao quốc tế, về kinh tế các chúa Nguyễn cũng đã chủ động đặt ra chế độ thuế quan đối với các tàu, thuyền buôn ngoại quốc. Chính quyền Đàng Trong đã lập *Ty tàu vụ* và thiết lập cả một bộ máy viên chức có trách nhiệm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế

đối ngoại và thu thuế xuất - nhập khẩu. Trong *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn đã cho chúng ta biết những thông tin chính xác và rất giá trị về mức thuế hải quan của Đàng Trong đối với tàu, thuyền buôn ngoại quốc. Theo đó, 4 địa phương Trung Quốc là Thượng Hải (thường là thuyền của triều đình), Quảng Châu, Phúc Kiến, Hải Nam thường xuyên có thuyền đến Đàng Trong. Ngoài ra, còn có tàu buôn của Tây dương (có thể là Hà Lan và Anh...), Ma Cao (Bồ Đào Nha?), Nhật Bản, Xiêm La (Siam), Lữ Tống (Luzon), Cự Cảng (Palembang) và một số quốc gia khác. Điều hiển nhiên là biểu thuế đối với từng loại tàu, thuyền đến từ mỗi quốc gia là tương đối khác nhau. Có thể hiểu mức thuế đó được đặt ra tùy theo trọng tải và lượng hàng xuất - nhập của từng loại tàu, thuyền. Nhưng cũng có thể khẳng định rằng, thông qua chế độ thuế quan, chúa Nguyễn còn muốn bày tỏ sự ưu ái đối với thương nhân một số nước (43). *Điều quan trọng là, tất cả các thương nhân và chủ tàu, thuyền ngoại quốc đều tuân thủ chế độ thuế quan và quyền kiểm soát ngoại thương của chúa Nguyễn và tiếp tục cho thuyền đến giao thương với Đàng Trong.*

Qua việc khảo cứu các bộ chính sử cũng như một số nguồn tư liệu nước ngoài, chúng ta thấy cho đến đầu thế kỷ XVIII ở Đàng Trong hầu như không xảy ra một vụ tranh chấp hay xung đột kinh tế lớn nào. Thương nhân các nước, ngay cả các cường quốc thương mại trên biển thời bấy giờ như Trung Quốc, Hà Lan... cũng luôn tuân theo luật pháp và những quy định của Đàng Trong. Một chính sách khai mở, đa phương hoá quan hệ và việc thực thi chế độ thuế quan nghiêm cẩn... đã đem lại sức mạnh thực tế cho chính quyền Nguyễn. Trải qua hơn hai thế kỷ, mặc dù cũng phải gánh chịu không ít áp lực từ nhiều phía và biết

bao thủ đoạn buôn lậu, trốn thuế... của các thương nhân ngoại quốc nhưng chính quyền Phú Xuân đã thực thi quyền lực của mình với một ý thức dân tộc mạnh mẽ và bảo vệ trọn vẹn chủ quyền chính trị, kinh tế của Đàng Trong.

Sau năm 1672 do không còn phải đương đầu với những cuộc giao tranh lớn, chính quyền Đàng Trong đã có thêm điều kiện thuận lợi cho việc củng cố quyền lực và khai phá đất đai, phát triển kinh tế và văn hoá. Tuy nhiên, đến thế kỷ XVIII, trong điều kiện phạm vi ảnh hưởng của Đàng Trong ngày càng được mở rộng, dân cư ngày một đông đúc, bộ máy quản lý ngày càng phát triển v.v... chính quyền Phú Xuân đã gặp phải những khó khăn về tài chính. Để tạo nên nguồn lực tài chính và cũng nhằm bù lấp cho những thiếu hụt về nguồn thu từ kinh tế đối ngoại (44), song song với việc duy trì kinh tế hải thương, khai thác các nguồn tài nguyên ở miền Tây, lập thêm một số tuyến buôn bán với Ai Lao và Cao Miên, chúa Nguyễn cũng đẩy mạnh việc khai phá vùng châu thổ sông Đồng Nai và Cửu Long. Họ đã “chiêu mộ những dân có vật lực ở xứ Quảng Nam, các phủ Điện Bàn, Quảng Ngãi, Quy Nhơn cho dời tới đây, phát chặt mở mang, hết thấy thành bằng phẳng, đất nước màu mỡ, cho dân tự chiếm, trồng cau và làm nhà cửa” (45).

Trong khi đẩy mạnh công cuộc khai phá đất phương Nam, các chúa Nguyễn cũng luôn thực thi một chính sách đối ngoại khôn khéo và tự chủ cao nhằm tạo nên môi trường thuận lợi cho vị thế của mình trên vùng đất mới (46). Trong quan hệ với các nước, *chính quyền Đàng Trong luôn có nhiều cố gắng để xây dựng tình hòa hiếu, tránh can dự vào những vấn đề chính trị phức tạp nhưng luôn kiên quyết bảo vệ chủ*

quyền. Từ thời Nguyễn Phúc Nguyên, chúa Nguyễn không chỉ đã gả con gái cho thương gia Nhật Bản mà còn muốn thông qua hôn nhân để xác lập mối quan hệ thân thiện với Cao Miên và Champa. Trên thực tế, mối bang giao thân hữu với quốc vương Cao Miên đã tạo nên những điều kiện thuận lợi nhất định của quá trình khai phá vùng Nam Bộ (47). Đối với Ai Lao, ý thức rõ về chủ quyền và lợi ích kinh tế từ phía Tây nên từ năm 1622, Nguyễn Phúc Nguyên đã cho lập *Dinh Ai Lao* trên sông Hiếu đồng thời chiêu mộ khoảng 600 lính bản địa để đóng giữ (48). Đây chính là con đường thương mại quan trọng nhất của Đàng Trong với miền Tây và Ai Lao trong lịch sử. Trước sau, chiến lược của họ Nguyễn là khoan hòa với miền Tây để tập trung lực lượng mở rộng ảnh hưởng xuống vùng đồng bằng trù phú phương Nam.

Trong bối cảnh đó, được sự khích lệ và trọng đãi của Phú Xuân, các cuộc thiên di của một số cựu thần nhà Minh và thế lực Hoa kiều như Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên, Mạc Cửu... cũng góp phần quan trọng trong việc đẩy nhanh tiến trình khai phá vùng đất phương Nam với các trung tâm Đồng Nai, Mỹ Tho và Hà Tiên. Đàng Trong hiểu rõ năng lực tổ chức, kỹ thuật sản xuất, buôn bán của người Hoa và những thông tin đa dạng về tình hình khu vực mà họ có được thông qua mạng lưới Hoa kiều sinh sống ở Đông Nam Á. Vì lẽ đó, *chúa Nguyễn đã sử dụng thế lực người Hoa để tăng cường thêm nội lực, biến những nhân tố ngoại sinh thành nội sinh đồng thời qua đó để điều hòa các mối quan hệ quốc tế*. Những thành công trong công cuộc khai phá đã tạo nên động lực mạnh mẽ để chúa Nguyễn Phúc Chu đi đến quyết định đặt phủ Gia Định năm 1698, trên cơ sở một trạm thu thuế đã được thiết lập từ

năm 1623 tại Sài Gòn (49). *Phủ Gia Định* từ đó không chỉ là trung tâm kinh tế và dân cư lớn nhất mà còn là nơi giải quyết, điều phối các hoạt động đối nội, đối ngoại của cả vùng Nam Bộ.

Hiển nhiên, công cuộc khai phá vùng châu thổ sông Mekong thu được những thành tựu lớn không chỉ nhờ chính sách mở rộng lãnh thổ và tranh thủ các tác nhân quốc tế. Trên thực tế, việc ban hành chính sách "*Bản bức tư điền*" năm 1669 cũng đã có sức cuốn hút mạnh mẽ nhiều địa chủ giàu có vùng Thuận - Quảng chiêu mộ dân nghèo vào khai mở đất Nam Bộ. Trong điều kiện nguồn thu từ ngoại thương ngày càng bị suy giảm rõ rệt, các vùng đồng bằng miền Trung không thể đáp ứng nhu cầu lương thực (50), Đàng Trong không chỉ muốn sớm chấm dứt tình trạng phải thường xuyên nhập lúa, gạo từ Xiêm và Cao Miên mà còn muốn biến loại nông sản này thành nguồn thương phẩm quan trọng để có thể cung cấp cho thị trường khu vực đặc biệt là các vùng Quảng Đông, Phúc Kiến, Hải Nam, Đài Loan (Trung Quốc) và một số quốc đảo khác ở Đông Nam Á vốn ít có tiềm năng phát triển nông nghiệp.

Chính sách hướng Nam của chúa Nguyễn đã đem lại những hiệu quả thiết thực. Đến thế kỷ XVIII, vùng đồng bằng sông Cửu Long đã từng bước trở thành một trung tâm nông nghiệp lớn (51). Năm 1789, khi nạn đói xảy ra ở Xiêm, Nguyễn Ánh đã cho phép bán ra 8.800 phương gạo (264.000 lít). Vào thời kỳ này, lúa gạo ở đồng bằng sông Cửu Long đã trở thành nguồn hàng hoá quan trọng. Và chính Nguyễn Ánh đã dùng gạo để khuyến khích các thương gia người Hoa đem sắt, thép, chì và lưu huỳnh tới Gia Định để đổi lấy thóc gạo. Trước đó, ở Hà Tiên (*Cancao*), những người đứng đầu

dòng họ Mạc cũng đã triệt để phát huy thế mạnh của một vùng đất trù phú, dùng lúa gạo để nhập các sản vật từ Đông Nam Á trong đó có chì, thiếc từ bán đảo Mã Lai để tái xuất sang Trung Quốc (52). Được coi là một "*Tiểu Quảng Châu*", cảng Hà Tiên là điểm đến của nhiều đoàn thuyền buôn từ Mã Lai, Sumatra, Java, Xiêm, Ấn Độ, Miến Điện, Trung Quốc... Trong quan hệ, các thuyền buôn từ Mã Lai luôn được ưu ái nhưng sự ưu ái nhất luôn dành cho các thương thuyền từ Miến Điện vì nước này là đối thủ của Xiêm. Trong một chiến lược bảo vệ an ninh và phát triển, chúa Nguyễn không chỉ đã thành công trong việc tạo nên lực hút họ Mạc ở Hà Tiên về phía mình mà chính dòng họ này, sau nhiều trải nghiệm với các thế lực chính trị khu vực, cũng nhận thấy sức mạnh thực tế của Đàng Trong và theo về với chúa Nguyễn, công nhận chính thể Phú Xuân. Vào thế kỷ XVIII, đất Hà Tiên đã trở thành địa đầu của Tổ quốc, nơi thường xuyên phải đối chọi với sự xâm nhập và những biến động của các thế lực chính trị khu vực. Điều đáng chú ý là, thông qua vai trò kinh tế của Hà Tiên đặc biệt là những hoạt động kinh tế đối ngoại, chúa Nguyễn muốn đa phương hoá và trung lập hoá các mối quan hệ quốc tế nhằm tạo ra một thế cuộc vừa hợp tác với Đàng Trong vừa kiềm chế lẫn nhau giữa các quốc gia khu vực.

Cũng cần phải nói thêm là, công cuộc khai phá và mở rộng ảnh hưởng đến vùng đất phương Nam của các chúa Nguyễn cũng đã gặp phải những trở lực lớn từ các quốc gia vùng vịnh Xiêm. Vào thế kỷ XVII-XVIII, vì nhiều nguyên nhân, Xiêm muốn thực hiện một chính sách bành trướng mạnh mẽ về phía Đông. *Chính sách Đông tiến* của người Thái là một hiện tượng rất đáng chú ý trong các mối quan hệ khu vực. Là một

cường quốc ở Đông Nam Á, lại thực hiện một số chính sách khai phóng và biết triệt để phát huy tiềm năng kinh tế của khu vực, các thương cảng của nước này luôn đã trở thành điểm đến hấp dẫn của nhiều đoàn thuyền buôn cả châu Á và châu Âu. Đối với Đàng Trong, do nằm trên trục chính của tuyến hải thương Đông Nam Á lục địa, thuyền Xiêm thường ghé vào một số thương cảng mua bán, tránh bão và thăm dò tình hình... rồi từ đó tiếp tục tiến lên phía Bắc nơi có thị trường Trung Quốc và Nhật Bản giàu có. Có thể nói, chính những lợi ích kinh tế to lớn của thị trường này đã khiến cho người Thái nhận thức đầy đủ hơn về tầm quan trọng của vịnh Xiêm và các cảng vùng duyên hải Đông - Nam của Việt Nam (53). Càng về cuối thế kỷ XVIII, Xiêm càng gây áp lực mạnh về phía Đông. Trước thách thức chính trị đó, trong các văn thư ngoại giao, chúa Nguyễn vừa tỏ ra mềm dẻo trong việc gọi lại truyền thống quan hệ hữu nghị giữa hai nước, vừa kiên quyết chống lại hành vi xâm phạm chủ quyền và thái độ ngạo mạn của Chính quyền Ayutthaya (54). Chịu áp lực liên tục của người Miến, sau khi kinh đô Ayutthaya bị triệt hạ tháng 4-1767, trung tâm kinh tế và chính trị của vương quốc này phải chuyển dịch xuống vùng hạ châu thổ sông Chao Phraya. Như vậy, Cao Miên vừa là mục tiêu vừa trở thành vùng đệm trong chính sách *Đông tiến* của người Thái. Và chỉ sau thất bại nặng nề trong trận Rạch Gầm - Xoài Mút năm 1785, về cơ bản, giới cầm quyền nước này mới chịu từ bỏ ý đồ nhòm ngó vùng đất phương Nam của Việt Nam.

4. Kết luận

- Như vậy, sau hơn hai thế kỷ khai phá và kiến dựng xứ Đàng Trong, các chúa Nguyễn đã lập nên hai kỳ tích trong lịch sử dân tộc. Trước hết, ngay sau khi cùng gia

nhân và tuỳ tùng vào mở đất phương Nam, nhận thấy những ưu thế trong phát triển kinh tế thương mại, chúa Nguyễn đã sớm có sự lựa chọn và tập trung phát triển ngành kinh tế này. Sự hưng thịnh của kinh tế ngoại thương đã đem lại một diện mạo mới cho nền kinh tế dân tộc. Khởi nguyên từ Nguyễn Hoàng, các chúa Nguyễn đều hiểu rõ và triệt để khai thác thế mạnh của Đàng Trong, nắm bắt kịp thời những biến chuyển thuận lợi trong môi trường chính trị, kinh tế quốc tế đồng thời dự nhập mạnh mẽ vào hoạt động kinh tế khu vực. Nhờ đó, chỉ trong một thời gian ngắn, Đàng Trong đã trở thành một vương quốc cường thịnh, một trung tâm thương mại lớn của Đông Nam Á.

Cùng với một số chính sách khai mở khác, *sức mạnh của kinh tế ngoại thương không chỉ đã tạo nên thế đứng vững chắc cho Đàng Trong trước những thách thức chính trị gay gắt mà còn khẳng định được chủ quyền và vị thế của mình trong các mối quan hệ quốc tế đa dạng thời bấy giờ*. Và điều đó càng trở nên có ý nghĩa, khi chính trong thời kỳ mà nhiều học giả gọi là "*Thời đại thương mại tự do cạnh tranh*" thì nhiều vùng đất và thương cảng của các quốc gia phương Đông đã chịu sự lệ thuộc và bị các thế lực phương Tây xâm lược.

- Cùng với kỳ tích đó, các chúa Nguyễn còn ghi dấu vào lịch sử dân tộc với những trang hào hùng trong công cuộc khai phá vùng đất phương Nam. Điều có thể khẳng định là, sự nghiệp khai mở vùng châu thổ sông Cửu Long rộng lớn cho thấy tầm nhìn sâu rộng, ý chí mãnh liệt và cả sự hy sinh to lớn của bao lớp người cho sự nghiệp mở đất. Song song với quá trình khai phá đất đai, chúa Nguyễn cũng phải ứng phó với nhiều vấn đề phức tạp trong quan hệ với

các quốc gia khu vực đặc biệt là Xiêm La và Chân Lạp. Nhờ việc giải quyết thành công mối quan hệ với các quốc gia khu vực, xử lý hài hoà vấn đề lợi ích giai cấp và quyền lợi dân tộc, các chúa Nguyễn không chỉ đã mở rộng được ảnh hưởng của mình ở phương Nam mà còn xác lập được quyền quản lý thực tế trên các vùng đất mới.

Như vậy, vào thế kỷ XVII-XVIII các chúa Nguyễn đã đạt được thành tựu to lớn trong công cuộc khai phá đất phương Nam, biến vùng châu thổ Cửu Long giang rộng lớn, vốn còn nhiều hoang hoá, thành trung

tâm kinh tế lớn của cả nước và vựa lúa phục vụ nhu cầu xuất khẩu. Để tồn tại và cũng vì sự phát triển, các chúa Nguyễn đã thực thi nhiều chính sách phù hợp với môi trường văn hoá và xã hội Đàng Trong, thấu tình, đạt lý trên cơ sở một ý thức dân tộc mạnh mẽ. Và chính ý thức dân tộc mạnh mẽ, sâu sắc đó đã đem lại sức mạnh cho Đàng Trong đồng thời tạo nên động lực căn bản cho sự nghiệp khai phá, tiếp tục xác lập chủ quyền và kiên quyết bảo vệ chủ quyền của cha ông ta đối với vùng Nam Bộ, Việt Nam trong những thế kỷ sau đó.

CHÚ THÍCH

(1). Nguyễn Cảnh Thị: *Hoan châu ký*, Nxb Thế Giới, H., 2004, tr.189

(2). Vũ Minh Giang: *Việt Nam từ thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XVIII*; trong: *Tiến trình lịch sử Việt Nam* - Nguyễn Quang Ngọc (Cb.), Nxb Giáo Dục, H., 2001, tr.138

(3). *Minh sử - Ngoại quốc truyện*, tư liệu Khoa Lịch sử, Trường ĐH KHXH & NV, ĐHQG HN. Tham khảo thêm Georges Maspéro: *Vương quốc Chiêm Thành*, TL Khoa Lịch sử, số ĐM. 283. Và, Lương Ninh: *Lịch sử vương quốc Chăm-pa*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004

(4). Phan Khoang đã rất có lý khi viết rằng: “Nhân dân Thuận Hoá lúc bấy giờ gồm những thành phần rất phức tạp. Ngoài những người chăm lo cày cấy, làm ăn, còn có những người theo nhà Mạc, hoặc khuấy động cho nhà Mạc, những người tù đày, những du đảng, phiêu lưu, từ các miền Nghệ, Thanh hoặc xa hơn nữa xâm nhập qua các thời đại, đi tìm may mắn ở miền đất mới, những quan quân bất mãn họ Trịnh hoặc là lầm lỗi bỏ chạy vào Nam, những thổ hào, thổ tù cường ngạnh, những nhiều lương dân, những người Chăm ở lại. Bấy nhiêu hạng người, Đoan Quận

Công phải khai hoá họ, buộc họ phải yên ổn làm ăn, khiến họ từng phục mình. Công việc ấy không phải dễ dàng”, *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb Văn Học, 2001, tr.110. Xem thêm: Nguyễn Thanh Nhã: *Bối cảnh kinh tế của nước Việt Nam vào những thế kỷ XVII-XVIII*, Trường Đại học luật và kinh tế Paris, Bản dịch Khoa Lịch sử, Trường ĐH KHXH & NV, ĐHQG HN

(5). Tạ Chí Đại Trường: *Thần - Người và Đất Việt*, Nxb. Văn Nghệ, 1988, tr.219

(6). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục tiền biên*, Nxb Giáo Dục, H., 2002, tr. 28

(7). Năm 1702 chúa Nguyễn Phúc Chu (cq: 1691-1725) đã sai sứ mang cống phẩm sang Trung Quốc cầu phong nhưng ý định không thành. Lý do nhà Thanh đưa ra là “Nước Quảng Nam hùng thị một phương, Chiêm Thành, Chân Lạp đều bị thôn tính, sau tất sẽ lớn. Duy nước An Nam còn có nhà Lê ở đó, chưa có thể phong riêng được. Việc (phong) bèn thôi”; *Đại Nam thực lục tiền biên*, Sdd., tr.115. Trong một số văn thư trao đổi với bên ngoài chúa Nguyễn vẫn mượn danh nghĩa của vua Lê và tự xưng là “*An Nam quốc vương*”. Xem Kawamoto Kuniye: *Nhận thức quốc tế của chúa Nguyễn ở*

Quảng Nam căn cứ theo Ngoại phiên thông thư; Trong: *Đô thị cổ Hội An*, H, 1991, tr.169-178. Đến thời Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765), tuy đã xưng vương ở Phú Xuân và thay đổi nhiều tên gọi trong bộ máy hành chính như một chính quyền độc lập nhưng chúa Nguyễn vẫn không dám đặt niên hiệu riêng. Đối với các thuộc quốc, chúa Nguyễn xưng *Thiên vương* nhưng “phàm văn thư vẫn dùng niên hiệu của vua Lê”; Xem *Đại Nam thực lục tiền biên*, Sđd, tr.206. Và, *Minh sử* (Trích trong *Nhị thập tứ sử*), TL Khoa Lịch sử, số ĐM 74, 2000

(8). Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học Xã hội, H., 1977, tr.50. Theo tác giả *Phủ biên tạp lục* thì cũng chính Đào Duy Từ, sau khi trốn vào Phú Xuân đã khuyên Nguyễn Phúc Nguyên “đừng nộp cống phú, luyện quân chứa lương làm kế chống giữ, mưu ấy bền quyết định”, Sđd, tr.52

(9). Từ năm 1627 đến 1672, quân Trịnh đã 6 lần tấn công vào Nam: 1627, 1633, 1643, 1648, 1661 và 1672. Năm 1655, quân Nguyễn tấn công ra Đàng Ngoài, chiếm đến phía nam sông Lam (Nghệ An), 5 năm sau mới chịu rút quân về. Trên thực tế, một số chúa Nguyễn trong đó có Phúc Chu cũng đã từng có ý đồ tấn công ra bắc. Năm 1716, ông đã cho một số Hoa kiều thân tín ra Thăng Long thăm dò tình hình nhưng thấy “Trung triều cường thịnh, mưu bền thôi”, *Phủ biên tạp lục*, Sđd, tr. 65

(10). Nguyễn Hoàng được gọi là chúa Tiên, Nguyễn Phúc Nguyên là chúa Sãi, danh tướng Nguyễn Cửu Dật (1611-1681) khi chết được tôn là Bồ Tát. Hoàng tử Hiệp sau trận chiến 1672-1673 cũng từ bỏ danh vọng đi tu, còn Nguyễn Phúc Chu cũng mời cao tăng Trung Quốc về quy y (1695-1696). Đầu thế kỷ XVII, nhiều ngôi chùa lớn cũng được xây dựng: Thiên Mục (1601), Sùng Hóa (1602), Hoà Vinh (1667)... *Đại Nam thực lục tiền biên*, Sđd, xem các năm liên quan. Tham khảo thêm Tạ Chí Đại Trường, Sđd, tr. 227

(11). Charles B. Maybon: *Lịch sử cận đại xứ An Nam*, Paris, 1919, TL Khoa Lịch sử, tr. 10

(12). Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Sđd, tr.50

(13). Phan Huy Lê: *Hội An - Lịch sử và hiện trạng*; trong *Đô thị cổ Hội An*, Nxb Khoa học Xã hội, H., 1991, tr.20

(14). Trần Quốc Vương: *Mấy nét khái quát lịch sử cổ xưa về cái nhìn về biển của Việt Nam*; trong *Biển với người Việt cổ*, Nxb Văn hoá Thông tin, H., 1996, tr.6-42

(15). Đỗ Bang: *Phố cảng vùng Thuận Quảng thế kỷ XVII-XVIII*, Nxb Thuận Hoá, 1996. Theo Cristophoro Borri thì vào đầu thế kỷ XVII ở Đàng Trong, trong vòng 100 dặm đã có khoảng hơn 60 cảng, “tất cả đều thuận tiện để cập bến và lên đất liền”; *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, 1998, tr.91

(16). Anthony Reid: *Southeast Asia in the Age of Commerce 1450-1680*, Yale University, New Haven and London, 1988. Có thể tham khảo thêm: Li Tana - Anthony Reid: *Southern Vietnam under the Nguyen - Documents on the Economic History of Cochinchina (Đàng Trong) 1602-1777*, Australia National University - Institute of Southeast Asian Studies, Singapore, 1993

(17). Các thương nhân Anh đã đến giao thiệp với Đàng Trong từ năm 1613 nhưng quan hệ không thực sự phát triển. Do sự cạnh tranh của Hà Lan nên Anh đã chuyển dần hoạt động từ Hội An về Côn Đảo và xây dựng thương quán ở đây. Hà Lan đã có giao thiệp với Đàng Trong từ năm 1613 và 1617. Đến năm 1633 đã cho thiết lập một thương quán ở Hội An với hy vọng nhập được nhiều tơ lụa ở đây để đưa sang thị trường Nhật Bản. Nhưng các hoạt động đó của người Hà Lan luôn vấp phải sự cạnh tranh quyết liệt của thương nhân các nước trong đó đặc biệt là thương nhân Nhật Bản. Sự nghi kỵ của chúa Nguyễn về mối liên hệ của Hà Lan với Đàng Ngoài cũng cản trở các hoạt động buôn bán của Hà Lan ở Đàng Trong. Do vậy, đến năm 1654 Hà Lan đã phải chấm dứt mọi liên hệ với Đàng Trong để tập trung vào quan hệ với Đàng Ngoài. Thương quán Hà ở Đàng Ngoài

hoạt động từ năm 1637-1700 (63 năm). Còn Bồ Đào Nha lập thương quán từ 1626-1637; Anh từ 25-6-1672 đến 1683 (đều chỉ hoạt động 11 năm).

Trong khi đó, sau khi Nhật Bản thực hiện chính sách toả quốc năm 1639, Bồ Đào Nha đã lựa chọn Đàng Trong như một thị trường có thể thay thế Nhật Bản. Theo Manguin vào những năm 1650-1651, mỗi năm có khoảng 4-5 tàu Bồ Đào Nha từ Macao đến Đàng Trong. Các thuyền này có thể chở tới 300 tấn hàng, trị giá 100.000 lạng bạc.

(18). Sakurai Yumio: *Thử phác dựng cấu trúc lịch sử Đông Nam Á thông qua mối liên hệ giữa biển và lục địa*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4, 1996. Tham khảo thêm: *Đô thị cổ Hội An*, Nxb Thế Giới, H., 1991

(19). William Willetts: *The Maritime Adventures of Grand Eunuch Ho*. Có thể xem thêm: Dương Văn Huy: *Bảy lần xuất dương của Trịnh Hoà*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 2 (77), 2006

(20). Phạm Văn Thủy: *Quan hệ thương mại của Malacca với Trung Quốc 1400-1511*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4 (73), 2005

(21). Theo P.Y. Manguin thì năm 1516 Bồ Đào Nha đã cho thuyền đến cảng Champa, năm 1623 đã chính thức đầu tiên với bờ biển Champa là năm 1523 nhưng theo A.Lamb thì quan hệ này không đều đặn. Từ năm 1540 thì người Bồ đến Faifo một cách đều đặn. Như vậy, Bồ Đào Nha là những người châu Âu đến Đàng Trong sớm nhất và từ năm 1584 đã có một số người Bồ sống thường xuyên ở Đàng Trong. Xem Pierre-Yves Manguin: *Les Portugueses sur les côtes du Viet Nam et du Campa*, EFEO, Paris, 1972, p. 3; Và, Alastair Lamb: *The Mandarin Road to Old Hue*, Clarke, Irwin & Co.Ltd, Toronto1970, p. 19

22. Trần Kinh Hoà: *Historical Notes on Hoi An*, Center for Vietnamese Studies, Southern Illinois at Carbondale, Monograph Series IV, tr. 26

(23). Alastair Lamb: *The Madarin Road to Old Hue*, Sdd, p.52

(24). W.J.M. Buch: *Oost-Indische Compagnie en Quinam*, Amsterdam, H.J. Paris,1929

(25). Charles Boxer: *Seventeenth Century Macau*, Heinenmann Educational Books, Ltd, Hong Kong, 1984, p.VII 167

(26). Thích Đại Sán: *Hải Ngoại ký sự*, Viện đại học Huế, 1963, Q.3, tr.126

(27). Christoforo Borri: *Xứ Đàng Trong*, Nxb Trẻ, Tp. HCM. 2003, tr.90

(28). Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học Xã hội, H., 1977, tr.335

(29). Kawamoto Kuniye: *Nhận thức quốc tế của chúa Nguyễn ở Quảng Nam căn cứ theo Ngoại phiên thông thư*; Trong: *Đô thị cổ Hội An*, H.,1991, tr.169-178

(30). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục tiền biên*, Sdd, tr.124

(31). Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Sdd, tr.65

(32). Keith W. Taylor: *Nguyễn Hoàng và khởi cuộc Nam tiến của người Việt*; trong: *Những vấn đề lịch sử Việt Nam* (nhiều tác giả), Nguyệt san Xua và Nay, Nxb. Trẻ, 2001, tr.163

(33). Iwao Seiichi: *Châu ấn thuyền và Phố Nhật*, Nxb Hakusendo, Tokyo, 1962, tr.15

(34). *Đại Nam thực lục tiền biên*, Sdd, tr.32

(35). Từ năm 1592 đến 1598, Toyotomi Hideyoshi đã huy động những đạo quân lớn tổng cộng lên đến 340.000 người mở hai cuộc tấn công xâm lược Triều Tiên đồng thời nuôi tham vọng chiếm Trung Quốc và một số vùng đất ở Đông Nam Á. Xem Nguyễn Văn Kim: *Chính sách đóng cửa của Nhật Bản thời kỳ Tokugawa - Nguyên nhân và hệ quả*, Nxb. Thế Giới, H., 2000, tr.117-118

(36). Kawamoto Kuniye: *Nhận thức quốc tế của chúa Nguyễn ở Quảng Nam căn cứ theo Ngoại phiên thông thư*; trong: *Đô thị cổ Hội An*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1991, tr.172

(37). Kawamoto Kuniye: *Nhận thức quốc tế của chúa Nguyễn ở Quảng Nam...* Sdd, tr.171

(38). Nguyễn Văn Kim: *Quan hệ của Nhật Bản với Đông Nam Á thế kỷ XV-XVII*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H., 2003, tr. 143-144

(39). C.R. Boxer: *Portuguese Conquest and Commerce in Southern Asia, 1500-1750*, Variorum Reprints, London 1985, p.167

(40). Christoforo Borri: *Xứ Đàng Trong*, Sđd, tr.92-93

(41). Alexandre de Rhodes: *Hành trình và truyền giáo*, Tủ sách đại kết, Tp HCM 1994

(42). Kết quả khảo sát của các chuyên gia địa chất - địa mạo, khảo cổ học, sử học Việt Nam - Nhật Bản trong các mùa hè năm 1997-1999 cho thấy ở vùng Thanh Chiếm có vết tích khá rõ của một vịnh rộng, nước sâu. Nhiều khả năng đây chính là căn cứ hải quân của chúa Nguyễn.

(43). Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Sđd, tr.65. Có thể tham khảo thêm sự phân tích về chế độ thuế quan thời chúa Nguyễn, trong Vũ Minh Giang: *Người Nhật, phố Nhật và di tích Nhật Bản ở Hội An*; trong *Đô thị cổ Hội An*, Sđd, tr. 210

(44). Cùng với nạn quan liêu hoá, tình trạng lạm phát cũng khiến cho quan hệ thương mại quốc tế của Đàng Trong suy giảm. Nếu như những năm 1740-1750, hằng năm có từ 60 - 80 thuyền cập bến Đàng Trong thì vào năm 1771 chỉ còn 16 thuyền. Năm sau số thuyền giảm xuống còn 12 và năm 1773 chỉ có 8 chiếc. Như vậy, vào những năm 1770 ngoại thương Đàng Trong đã ở trong tình trạng suy thoái tương đối nghiêm trọng.

(45), (54). Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Sđd, tr. 345, 261-272.

(46). Từ đầu thế kỷ XVII, chính quyền Đàng Trong chủ trương mở rộng ảnh hưởng về phía Nam. Năm 1611, Nguyễn Hoàng đã cho quân vượt đèo Cù Mông chiếm thêm đất mới và lập ra phủ Phú Yên. Đến năm 1653, thời Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) lại tiếp tục mở rộng biên giới đến Phan Rang, lập dinh Thái Khương và đến thời Nguyễn Phúc Chu (1691-1723) thì khai phá và làm chủ toàn bộ vùng Nam Trung Bộ. Trong thời gian

đó, đã có nhiều nhóm cư dân người Việt đã di chuyển vào Nam khai phá mà trọng tâm là vùng Đồng Nai, Gia Định.

(47). Năm 1620, Nguyễn Phúc Nguyên đã gả con gái cho vua Chân Lạp là Chey Chetta II, sau đó lại tiếp tục gả con cho Po Rome, ông vua nổi tiếng của triều đại cuối cùng của vương quốc Chăm-pa (1627-1651).

(48). Li Tana: *Xứ Đàng Trong: Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ XVII và XVIII*, Nxb. Trẻ, Tp. HCM, 1999, tr. 174

(49). Trần Văn Giàu (Cb.): *Địa chí văn hoá thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Tp. HCM, 1987. Tham khảo thêm: Phan Khoang: *Việt sử xứ Đàng Trong*, Sđd, tr.322

(50). Do những nguồn lợi từ việc xuất khẩu tơ lụa, nông dân vùng Thuận Quảng đã biến nhiều cánh đồng lúa thành bãi trồng dâu, nuôi tằm phục vụ xuất khẩu. Theo C.Borri thì ở Đàng Trong những cây dâu tằm cao lớn được trồng đầy trên các cánh đồng rộng lớn để lấy lá nuôi tằm, Xem C.Borri: *Xứ đàng Trong*, Sđd, tr.32. Nhưng chắc chắn là cho đến thế kỷ XVII, xứ Đàng Trong luôn ở trong tình trạng thiếu đất canh tác nông nghiệp. Và Thích Đại Sán cũng từng xác nhận điều đó khi ông cho rằng ở vùng Thuận Hoá, Hội An đất nông nghiệp nghèo và ít: "Trong nước dân rất khổ, đất ruộng ít ỏi, lúa chẳng đủ ăn"; Thích Đại Sán: *Hải ngoại kỷ sự*, Viện đại học Huế, 1963, tr.105

(51). Trong *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn viết: Số địa chủ giàu có ở vùng Đồng Nai, Gia Định đã có đến 40, 50 nhà, mỗi nhà có 50, 60 điền nô, 300-400 con trâu bò, cây bừa cấy gặt không bao giờ rảnh rỗi. Sđd, tr.345.

(52). Li Tana, Paul A.Van Dyke: *Southeast Asia's Water Frontier in the XVIIIth Century: New Data and New Lights*, Beijing Forum Proceeding, Dec. 2005, p.56-77

(53): Nguyễn Văn Kim: *Quan hệ của Nhật Bản với Đông Nam Á thế kỷ XV-XVII*, Sđd, 2003.